

Bản án số: 01/2018/KDTM - PT
Ngày: 02/02/2018
V.v Tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Oanh

Bà Lý Thị Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2017/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐ - PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần CT Việt Nam.**

Địa chỉ số 108, đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình. Địa chỉ: Số 186, đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; do ông Nguyễn Quốc Hương, Phó giám đốc chi nhánh; ông Nguyễn Ngọc Long, Phó phòng giao dịch Kỳ Sơn, Hòa Bình đại diện. (Văn bản ủy quyền số 597/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 29/5/2014 và 506/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 B1.**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Thị Minh T1 - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 B1.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Mai B1. Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2017.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Hoàng Mai B1** – sinh năm 1954.
- Bà **Quách Thị Minh T1**. Sinh năm 1959.
- Chị **Hoàng Mai A1**
- Chị **Hoàng Thị Ngọc Mai L1** – sinh năm 1990.
- Chị **Hoàng Vân A2**. Sinh năm 1983.

Cùng nơi cư trú: Tổ 15, phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông **Nguyễn Tiến D** – sinh năm 1966.
- Bà **Đinh Thị T2** – sinh năm 1968.
- Anh **Nguyễn Quốc M1** – sinh năm 1990.
- Anh **Nguyễn Anh T3**. Sinh năm 1993.

Cùng nơi cư trú tại: Tổ 25, phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh HB.

- Bà **Tạ Thị B2** – sinh năm 1957.
- Anh **Nguyễn Hoàng H1** – sinh năm 1983.
- Anh **Nguyễn Thế H2** – sinh năm 1982.
- Anh **Nguyễn Đức H3** – sinh năm 1983.
- Chị **Võ Thị Thu H4** – sinh năm 1983.
- Chị **Nguyễn Thị M2** – sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú tại: Tổ 7B, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh HB.

- Bà **Nguyễn Thị T3** – sinh năm 1944.
- Anh **Phạm Thanh T4** – sinh năm 1976.

Cùng cư trú tại: Tổ 21, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

- Bà **Phạm Thị H5** Sinh năm 1960.

Cư trú tại: Tổ 14, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông **Lại Văn B3**. Sinh năm 1953 (đã chết)

** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lại Văn Bảo:*

- Bà **Phạm Thị H5**. Sinh năm 1960.
- Anh **Lại Đức L2**. Sinh năm 1996.
- Chị **Lại Thị Quỳnh H6**. Sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú tại: Tổ 14, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2011, Công ty TNHH một thành viên T1 B1 (Công ty T1 B1) và Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình (Ngân hàng CT) ký hợp đồng tín dụng số LN250012/00250/2011/0001389, với hạn mức cho vay là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) ; trong đó có thỏa thuận: Thời hạn

duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh nước giải khát, bia, bánh kẹo, tạp hóa, tạp phẩm các loại; Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 05 tháng; phương thức áp dụng lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thỏa thuận theo phương thức thả nổi; lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 18,5%/năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Kèm theo là bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2012 và ngày 15/10/2012.

Ngày 25/3/2013, Công ty T1 B1 và Ngân hàng CT tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số LN250025/00250/2013/000493, với hạn mức cho vay là 5.780.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay 12 tháng, kể từ ngày 25/3/2013 đến ngày 25/3/2014; mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 05 tháng. Áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi; lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 12%/ năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ trong các Hợp đồng tín dụng gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lại Văn B3 tại tổ 14, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Quyền sử dụng đất số BB652529 do UBND thành phố Hòa Bình cấp ngày 14/6/2010

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/HĐTC/250006-195 ngày 24/6/2010 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/6/2011.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị T3 tại tổ 21, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Quyền sử dụng đất số H667796 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/7/1999.

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC/250012-19 ngày 14/7/2011 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 02/10/2012.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ bà Tạ Thị B2 tại tổ 7B, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Quyền sử dụng đất số R994121 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/12/2001.

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/HĐTC/250006-237 ngày 30/11/2010.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Tiến D tại tổ 25, phường Đồng Tiến, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Quyền sử dụng đất số T896859 do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 05/01/2004.

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản 09HĐTC/250006-17 ngày 17/9/2009.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ bà Quách Thị Minh T1 tại tổ 15, phường Đồng Tiến, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Quyền sử dụng đất số R309803 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/12/2001.

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/HĐTC/250006-201 ngày 07/7/2010 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/02/2011.

6. Quyền sở hữu 01 ô tô tải thùng nhãn hiệu Hyundai của ông Hoàng Mai B1, biển kiểm soát 28H-1679 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp đăng ký ngày 05/01/2010. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC/250012-02 ngày 14/3/2011.

Ngân hàng đã nhiều lần giải ngân cho Công ty T1 B1, đến tháng 01/2014, Công ty T1 B1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng Công ty vẫn không trả nợ. Ngân hàng khởi kiện đề nghị buộc Công ty T1 B1 phải trả số tiền gốc và tiền lãi theo quy định, nếu Công ty T1 B1 không trả được nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tính đến ngày 15/10/2014, Công ty T1 B1 còn nợ Ngân hàng CT số tiền tổng cộng 6.216.280.504 đồng. Trong đó gốc là 5.331.083.000 đồng và lãi là 885.197.504 đồng. Đến ngày 24/10/2017 nợ gốc và lãi là 8.443.941.881 đồng.

Bị đơn: công ty T1 B1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh, không đến tòa án.

Trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đinh Thị T2 trình bày: Chồng bà là ông Nguyễn Tiến D có mối quan hệ họ hàng với bà Quách Thị Minh T1 – Giám đốc Công ty T1 B1, nên ngày 17/9/2009 bà cùng với ông Nguyễn Tiến D và con trai là Nguyễn Quốc M1 ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC/250006-117 với Ngân hàng TMCP CT Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình để giúp Công ty T1 B1 vay số tiền 182.000.000 đồng, tài sản thế chấp theo Hợp đồng là diện tích đất 250,56m², thửa số 91, tờ bản đồ 25, tại tổ 25, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình Công ty trả nợ Ngân hàng như thế nào bà không biết. Quan điểm của bà: Ngân hàng có đơn khởi kiện đòi Công ty T1 B1 trả nợ, nếu Công ty không có khả năng trả nợ số tiền trên thì gia đình bà cũng phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Ngân hàng.

- Bà Tạ Thị B2 trình bày: Gia đình bà có quan hệ họ hàng với bà Quách Thị Minh T1 và ông Hoàng Mai B1, nên ngày 30/11/2010 gia đình bà có ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng CT để giúp đỡ Công ty T1 B1 vay 1.012.242.000 đồng, tài sản thế chấp theo hợp đồng là nhà và đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 14

thuộc tổ 7B, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Quá trình công ty trả nợ Ngân hàng như thế nào bà không nắm được, đã nhiều lần bà yêu cầu bà T1 trả nợ cho Ngân hàng, bà T1 cũng đã hứa hẹn với bà là sẽ bán nhà trả nợ. Nay Ngân hàng kiện Công ty T1 B1 yêu cầu trả nợ, đề nghị phát mại tài sản của gia đình để trả nợ, bà không đồng ý vì cả gia đình chỉ có một căn nhà.

- Bà Nguyễn Thị T3 và con trai là anh Phạm Thanh T4 trình bày: Do có mối quan hệ thông gia với gia đình bà Quách Thị Minh T1 nên tháng 7/2011, gia đình bà cho bà T1 mượn bìa đất tại thửa đất số 03, thuộc tổ 21, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình để cho Công ty vay tiền Ngân hàng. Mọi thủ tục do con dâu bà là Mai A1 có mang toàn bộ hồ sơ thể chấp đến đưa cho bà ký, bà cũng đưa bìa đất số 4667796 mang tên bà Nguyễn Thị T3 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp năm 1999 tại thửa số 463 tờ bản đồ 03 thuộc tổ 21, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình để làm thủ tục thế chấp. Nguồn gốc tài sản là do mẹ đẻ bà cho bà năm 1978, đến năm 1988 bà xây dựng nhà trên đất, năm 1996 chồng bà mất. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bà đã thế chấp để trả nợ, bà không đồng ý, Công ty T1 B1 phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và rút bìa ra trả lại cho bà.

- Bà Phạm Thị H5 trình bày: Năm 2010 bà và chồng là Lại Văn B3 có dùng tài sản của gia đình là nhà và đất tại tổ 14, phường Phương lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình để bảo lãnh cho Công ty T1 B1 vay tiền Ngân hàng. Do làm ăn thua lỗ nên Công ty T1 B1 đã không trả nợ Ngân hàng. Khoảng hơn một năm sau khi ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì cán bộ Ngân hàng có đến nhà bà và nói là kiểm tra tài sản của gia đình đã thế chấp còn nguyên vẹn không, bà nói là gia đình bà không coi nơi sửa chữa gì, cán bộ Ngân hàng yêu cầu bà ký vào biên bản thì bà ký, bà không đọc nội dung biên bản đó. Sau đó bà có đến nhà bà T1 và nói với gia đình bà T1 là cho bà xin lại bìa đất, gia đình bà không đồng ý cho mượn nữa. Khi đó bà T1 nói là để bà T1 có thời gian thu xếp để rút bìa trả cho gia đình bà, bà có đến Ngân hàng để hỏi rõ sự việc thì được biết giá trị tài sản gia đình bà thế chấp đã được tăng lên nên bà T1 đã vay tăng số tiền lên. Gia đình bà đã trình bày bằng miệng với Ngân hàng là không đồng ý thế chấp tài sản cho Công ty T1 B1 nữa thì phía Ngân hàng nói là để Công ty có thời gian trả nợ và rút bìa về cho gia đình, gia đình bà không có yêu cầu gì bằng văn bản với Ngân hàng. Quan điểm của gia đình bà không đồng ý phát mại tài sản, đề nghị Công ty T1 B1 có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và rút bìa đất ra trả lại cho gia đình bà.

Do bệnh tật nên ngày 17/9/2016 ông Lại Văn B3 chết. Hiện tại bố mẹ đẻ ông B3 cũng đã chết. Ông B3 và bà có hai người con là Lại Thị Quỳnh H6 và Lại Đức L2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lại Văn B3 gồm: Cháu Lại Đức L2, cháu Lại Thị Quỳnh H6 và bà Phạm Thị H5.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM – ST ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã xét xử: Căn cứ Điều 280, 288, 463, 466, 468, Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, Điều 335, 336, 338, 339, 342 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP CT Việt Nam.

1. Buộc Công ty TNHH MTV T1 B1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam tổng số tiền 8.443.941.881 đồng (*tám tỷ bốn trăm bốn mươi B1 triệu chín trăm bốn mươi một nghìn tám trăm tám mươi một nghìn đồng*), trong đó: tiền nợ gốc 5.331.083.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 24/10/2017 là 3.112.858.881 đồng.

2. Buộc ông Hoàng Mai B1, bà Quách Thị Minh T1, chị Hoàng Thị Ngọc Mai L1 và Công ty TNHH MTV T1 B1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng CT Việt Nam số tiền tối đa bằng 2.955.200.000 đồng. (trong tổng số 8.443.941.881 đồng, mà Công ty T1 B1 phải thanh toán cho Ngân hàng CT).

3. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV T1 B1 không trả được nợ, thì được quyền phát mại các tài sản thế chấp của người có nghĩa vụ liên quan gồm:

- Quyền sở hữu 01 ô tô tải thùng nhãn hiệu Hyundai đăng ký tên ông Hoàng Mai B1, biển kiểm soát 28H-1679 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 05/01/2010, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC/250012-02 ngày 14/3/2011.

- Quyền sử dụng đất diện tích 69,8 m² và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 65, tờ bản đồ 14, thuộc tổ 7B, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R994121, đứng tên người sử dụng đất là hộ bà Tạ Thị B2 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/12/2001, chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC/ 250006-237 ngày 30/11/2010 giữa Ngân hàng TMCP CT Việt Nam với bà Tạ Thị B2, ông Nguyễn Hoàng H1, ông Nguyễn Đức Hạnh, ông Nguyễn Thế H2, bà Võ Thị Thu Hòa, bà Nguyễn Thị M2.

- Quyền sử dụng đất diện tích 58,4 m² và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 145, tờ bản đồ 09, thuộc tổ 14, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB652529, đứng tên người sử dụng đất là ông Lại Văn B3do UBND thành phố Hòa Bình cấp ngày 14/6/2010, chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC/ 250006-195 ngày 24/6/2010 giữa Ngân hàng TMCP CT Việt Nam với ông Lại Văn Bảo, bà Phạm Thị Hương.

- Quyền sử dụng đất diện tích 250,6 m² và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 91, tờ bản đồ 25, thuộc tổ 25, phường Đồng Tiến, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình,

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T896859, đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Tiến D do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 05/01/2004, chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 09/HĐTC/ 250006-117 ngày 17/9/2009 giữa Ngân hàng TMCP CT Việt Nam với ông Nguyễn Tiến D, bà Đinh Thị T2, ông Nguyễn Quốc M1.

- Quyền sử dụng đất diện tích 42,05 m² và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 463, tờ bản đồ 03, thuộc tổ 21, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 667796, đứng tên người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị T3 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 14/6/2010, chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC/ 250006-195 ngày 27/7/1996 giữa Ngân hàng TMCP CT Việt Nam với bà Nguyễn Thị T3, ông Phạm Thanh T4.

3. Kể từ ngày 25/10/2017, Công ty TNHH MTV T1 B1 phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN250012/00250/2011/0001389, ngày 14/10/2011, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2012 và ngày 15/10/2012 và Hợp đồng tín dụng số LN250025/00250/2013/000493, ngày 25/3/2013 trên số dư nợ gốc chậm thanh toán tương ứng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/11/2017 Ngân hàng TMCP CT Việt Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể: Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Hoàng Mai B1, bà Quách Thị Minh T1, Chị Hoàng Thị Ngọc Mai L1 và công ty TNHH MTV T1 B1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam số tiền tối đa bằng 2.955.200.000đ. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 10/HĐTC/250006 – 201 ngày 07/7/2010 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/02/2011 là đúng pháp luật. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản của hộ bà Quách Thị Minh T1 để trả nợ cho công ty T1 B1.

Ngày 09/11/2017 Bà Tạ Thị B2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét không xử lý tài sản gia đình bà đã thế chấp vì khi ký Hợp đồng thế chấp bà B2 đã ký thay cho các con là Nguyễn Đức H3, Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị M2 nên hợp đồng đó vô hiệu.

Ngày 06/11/2017 Bà Phạm Thị H5 kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản là nhà và đất mà gia đình đã thế chấp vì hợp đồng thế chấp tài sản chưa đầy đủ chữ ký. Hai con của bà chưa ký vào hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng

quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm cả tố tụng và nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam khởi kiện yêu cầu công ty TNHH MTV T1 B1 thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có địa chỉ cư trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hòa Bình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35.

Ngày 24/10/2017 TAND thành phố Hòa Bình xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 03/11/2017 Ngân hàng TMCP CT Việt Nam kháng cáo, ngày 09/11/2017 bà Tạ Thị B2 kháng cáo, ngày 06/11/2017 bà Phạm Thị H5 kháng cáo. Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định. Được chấp nhận.

2. Về nội dung:

Ngày 14/10/2011 Công ty B1 và Ngân hàng TMCP CT Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình có ký hợp đồng tín dụng số LN250012/00250/2011/0001389, với hạn mức cho vay là 7.000.000.000 đồng; ngày 25/3/2013, Công ty T1 B1 và Ngân hàng CT tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số LN250025/00250/2013/000493, với hạn mức cho vay là 5.780.000.000 đồng, theo đó: Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, kể từ ngày 25/3/2013 đến ngày 25/3/2014;

Ngân hàng đã nhiều lần giải ngân cho Công ty, Công ty T1 B1 cũng nhiều lần trả nợ bằng cách nộp tiền vào tài khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thường xuyên đối chiếu công nợ. Đến tháng 12/2013 Công ty T1 B1 đã không có khả năng trả nợ, khất nợ nhiều lần, Ngân hàng đã nhiều lần thúc giục, tuy nhiên Công ty không trả được nợ gốc và lãi theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại đoạn 1, điểm d, mục 9.1 điều 9, điều 2 của Hợp đồng tín dụng số LN250012/00250/2011/0001389 và điều 3, điều 10 của hợp đồng tín dụng số LN250025/00250/2013/000493. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Công ty T1 B1 thanh toán trả Ngân hàng CT tiền vay gốc tính đến ngày 24/10/2017 là 5.331.083.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi của Nguyên đơn: Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận áp dụng lãi suất thỏa thuận theo phương thức thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 18,5%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi trong hạn. Khi

đến hạn thanh toán, Công ty T1 B1 không trả được tiền gốc cũng như lãi phát sinh do đó cần buộc Công ty T1 B1 trả cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 24/10/2017 là 2.205.304.704 đồng và tiền lãi phạt 907.554.181 đồng.

Bản án sơ thẩm buộc Công ty T1 B1 trả cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam số tiền gốc và lãi tổng cộng là 8.443.941.881 đồng là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Xét bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng CT, Công ty T1 B1 và bên thứ B1 là: ông Lại Văn B3, bà Phạm Thị H5; bà Nguyễn Thị T3; ông Nguyễn Tiến D, bà Tạ Thị B2, ông Hoàng Mai B1 *thấy rằng:* Việc giao kết hợp đồng giữa các bên nhằm bảo đảm tiền vay của Công ty T1 B1 tại Ngân hàng CT đảm bảo các quy định của pháp luật về năng lực và quyền của chủ thể, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc vi phạm đạo đức xã hội, tuân thủ đúng các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do đó các hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện.

Việc bà Phạm Thị H5 kháng cáo đề nghị không xử lý tài sản thế chấp gia đình bà vì hợp đồng thế chấp hai con của bà không ký. Xét tài sản thế chấp quyền sử dụng 58,4m² đất và ngôi nhà 02 tầng trên đất mang tên cá nhân ông Lại văn B3, không phải của hộ gia đình. Trong hợp đồng thế chấp ông B3 và bà H5 (vợ) đều đã tự nguyện ký kết đảm bảo cho khoản vay tiền của công ty T1 B1. Do đó bản án sơ thẩm tuyên phát mại nếu công ty T1 B1 không trả được nợ là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H5 kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Việc bà Tạ Thị B2 kháng cáo cho rằng các con của bà là Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Thị M2 do đi làm ăn xa, không ký vào hợp đồng thế chấp nên hợp đồng thế chấp đó vô hiệu. Đề nghị không xử lý tài sản thế chấp đối với gia đình bà. Xét tại các chứng cứ là hợp đồng thế chấp tài sản, đơn xin đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đều có chữ ký của anh H1, anh H3, chị M2. Tại phiên tòa phúc thẩm bà B2 vắng mặt, không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Về kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam: Xét Diện tích 85,8m² và ngôi nhà 03 tầng tại thửa đất số 14 tờ bản đồ số 11, địa chỉ tổ 15 phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mang tên hộ bà Quách Thị T1 là tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty T1 B1. Sau khi thế chấp đã

thực hiện chỉnh sửa tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Quách Thị Minh T1 theo đúng với giấy tờ nhân thân của bà T1.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC/250006-201 ngày 07/7/2010, thành viên hộ gia đình bà T1 còn có chị Hoàng Vân A2 đã trên 15 tuổi, nhưng chị Vân A2 không tham gia ký kết hợp đồng thế chấp, tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của chị Vân A2 hoặc các thành viên trong gia đình bà T1 về ý kiến của chị Vân A2 về việc này. Ngân hàng cũng không thẩm định đầy đủ để xác định chị Vân A2 có quyền lợi, nghĩa vụ và công sức đóng góp vào tài sản thế chấp hay không, mà chỉ căn cứ vào sổ hộ khẩu của gia đình hộ bà Quách Thị Minh T1 tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp là năm 2010, thời điểm này chị Vân A2 đã chuyển khẩu đi Hà Nội để đề nghị tuyên bố hợp đồng có hiệu lực là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 109 BLDS 2005. Do đó chưa có cơ sở vững chắc để tuyên bố hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hộ bà Quách Thị Minh T1 vô hiệu.

Trong bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa chị Hoàng Vân A2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, thông báo thụ lý vụ án, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa ngày 25/9/2017 Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Hoàng Vân A2 tham gia tố tụng. Ngày 25/9/2017 mở phiên tòa. Sau khi đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thì hội đồng xét xử tuyên bố ngừng phiên tòa. Để tiến hành xác minh, thu thập, bổ sung một số tài liệu, chứng cứ để củng cố thêm mà không thực hiện được tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Quách Thị Minh T1, ông Nguyễn Tiến D, bà Nguyễn Thị T3 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh. Ngày 24/10/2017 phiên tòa được mở lại nhưng chỉ tuyên án sau 29 ngày ngừng phiên tòa. Bản án có ghi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong hộ gia đình bà T1 có thêm chị Hoàng Vân A2 nhưng không thông báo cho Viện kiểm sát, nguyên đơn về việc bổ sung người tham gia tố tụng, ý kiến của nguyên đơn về việc chị Vân A2 không ký hợp đồng thế chấp. Lẽ ra phải tiến hành mở phiên tòa, thực hiện các trình tự từ phần thủ tục, phần hỏi, công bố kết quả xác minh, phần tranh luận, phần nghị án và tuyên án. Như vậy cấp sơ đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung cũng chưa được xác minh đầy đủ, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX không thể khắc phục được. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, án phí và lệ phí tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM – ST ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Ngân hàng TMCP CT Việt Nam được hoàn lại 2.000.000đ tiền dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003385 ngày 07/11/2017; bà Tạ Thị B2 được hoàn lại 2.000.000đ tiền dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003395 ngày 13/11/2017, bà Phạm Thị Hương được hoàn lại 2.000.000đ tiền dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003388 ngày 08/11/2017, của chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình. Số tiền tạm ứng án phí của Ngân hàng TMCP CT Việt Nam đã nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hoà Bình
- TAND TP Hòa Bình
- THA TP Hòa Bình
- Các Đương sự
- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Bạch Thị Hồng Hoa